Phụ lục I

TIÊU CHÍ VÀ YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ CHỨC DANH GIÁO SƯ, PHÓ GIÁO SƯ

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Dự thảo 05/11/2026

I. TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ VÀ CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn/Tiêu chí đánh giá	Trọng số/Tỷ trọng %
Tiêu chuẩn 1: Năng lực giảng dạy và kết quả đào tạo	**Trọng số ≥ 30%**
1.1. Năng lực và kết quả giảng dạy	Tỷ trọng ≥ 30%
1.2. Hướng dẫn và phát triển người học	Tỷ trọng ≥ 30%
1.3. Phát triển chương trình đào tạo và học liệu	Tỷ trọng ≥ 20%
Tiêu chuẩn 2: Năng lực nghiên cứu, sáng tạo tri thức và uy tín khoa học	**Trọng số ≥ 30%**
2.1. Chất lượng công trình và đóng góp mới về tri thức	Tỷ trọng ≥ 40%
2.2. Chuyên môn sâu và dẫn dắt hướng chuyên môn	Tỷ trọng ≥ 20%
2.3. Uy tín khoa học và ảnh hưởng chuyên môn	Tỷ trọng ≥ 20%
Tiêu chuẩn 3: Năng lực phát triển tập thể và phục vụ cộng đồng	**Trọng số ≥ 20%**
3.1. Tổ chức hoạt động chuyên môn và phát triển nguồn lực	Tỷ trọng ≥ 30%
3.2. Phát triển đội ngũ kế cận	Tỷ trọng ≥ 30%
3.3. Phục vụ cộng đồng học thuật, nghề nghiệp và xã hội	Tỷ trọng ≥ 20%

Ghi chú: Trọng số được tính trong tổng điểm; tỷ trọng được tính trong từng tiêu chuẩn. Tổng trọng số ba tiêu chuẩn và tổng tỷ trọng các tiêu chí trong từng tiêu chuẩn đều bằng 100%. Cơ sở đào tạo công bố giá trị cụ thể, thang đánh giá và phương pháp tổng hợp điểm trước khi nhận hồ sơ.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ỨNG VIÊN

Nội dung đánh giá được đối chiếu với yêu cầu của từng chức danh tại Điều 10 và nhiệm vụ của vị trí. Cơ sở đào tạo cụ thể hóa thang đánh giá, minh chứng và cách thực hiện các hình thức đánh giá theo Điều 5.

Đánh giá hồ sơ, phản biện độc lập và đánh giá trực tiếp được thực hiện theo các điều tương ứng của Thông tư. Việc xác minh, lấy ý kiến người học, đồng nghiệp hoặc bên tiếp nhận được thực hiện khi cần làm rõ minh chứng.

Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Minh chứng chính	Hình thức đánh giá
1.1	Chiều sâu, tính chính xác và cập nhật của nội dung giảng dạy; sự gắn kết giữa nghiên cứu và giảng dạy; phương pháp giảng dạy, đánh giá người học và kết quả cải thiện chất lượng đào tạo. Đối với chức danh Giáo sư, làm rõ vai trò dẫn dắt đổi mới và tác động đến hoạt động giảng dạy của đồng nghiệp.	Hồ sơ giảng dạy, đề cương học phần, học liệu, công cụ đánh giá, kết quả học tập và phản hồi của người học.	Đánh giá hồ sơ; đánh giá trực tiếp năng lực giảng dạy theo hình thức cơ sở đã công bố; thuyết trình và trao đổi chuyên môn.
1.2	Chất lượng hướng dẫn, đóng góp chuyên môn của ứng viên và sự phát triển năng lực nghiên cứu hoặc thực hành chuyên môn độc lập của người học. Đối với GS, làm rõ kết quả phát triển năng lực nghiên cứu độc lập và sáng tạo tri thức mới của nghiên cứu sinh.	Hồ sơ hướng dẫn, luận văn, luận án hoặc sản phẩm tốt nghiệp; kết quả nghiên cứu, thực hành chuyên môn của người học; minh chứng về quá trình và đóng góp của người hướng dẫn.	Đánh giá hồ sơ, sản phẩm; thuyết trình và trao đổi chuyên môn; xác minh, lấy ý kiến người học khi cần.
1.3	Vai trò, đóng góp chuyên môn; chất lượng, tính cập nhật, mức độ sử dụng và hiệu quả của chương trình đào tạo, học liệu được xây dựng hoặc cải tiến.	Chương trình, học liệu; hồ sơ phân công, thẩm định, sử dụng; minh chứng về đóng góp và kết quả áp dụng.	Đánh giá sản phẩm, hồ sơ; thuyết trình và trao đổi về đóng góp, hiệu quả sử dụng.
2.1	Tính mới, độ tin cậy, giá trị khoa học hoặc nghề nghiệp và đóng góp trí tuệ của ứng viên trong hệ thống kết quả nghiên cứu. Đối với GS, làm rõ đóng góp chủ đạo trong khai phá, sáng tạo tri thức mới.	Hồ sơ nghiên cứu; năm công trình tiêu biểu cùng thuyết minh về đóng góp mới, vai trò cá nhân, giá trị và sự phù hợp với vị trí.	Đánh giá hồ sơ, công trình; nhận xét phản biện; thuyết trình và trao đổi chuyên môn.
2.2	Chiều sâu chuyên môn; năng lực đề xuất vấn đề, lựa chọn phương pháp và quyết định chuyên môn; quá trình phát triển và kết quả phát triển một hướng chuyên môn. Đối với GS, làm rõ vai trò định hướng, tổ chức thực hiện và kết quả phát triển một hướng chuyên môn.	Các công trình, nhiệm vụ và kết quả có liên hệ về chuyên môn; hồ sơ xác định vai trò, quyết định định hướng và kết quả tổ chức thực hiện.	Đánh giá hồ sơ, nhận xét phản biện; trao đổi chuyên sâu về quá trình phát triển và kế hoạch chuyên môn.
2.3	Mức độ ghi nhận độc lập, việc tiếp nhận, sử dụng, tiếp tục phát triển kết quả nghiên cứu và ảnh hưởng đối với học thuật hoặc thực hành nghề nghiệp; phạm vi, chiều sâu và	Nhận xét chuyên môn độc lập; minh chứng về trích dẫn có ý nghĩa, sử dụng, phát triển hoặc ứng dụng	Đánh giá hồ sơ, nhận xét phản biện; kiểm chứng nguồn ghi nhận, sử dụng; thuyết trình và trao đổi

	sự duy trì ảnh hưởng.	kết quả; sự ghi nhận của cộng đồng chuyên môn.	chuyên môn.
3.1	Vai trò và kết quả tổ chức hoạt động chuyên môn, huy động, sử dụng nguồn lực và phát triển năng lực tập thể. Đối với GS, làm rõ khả năng dẫn dắt và duy trì kết quả.	Hồ sơ hoạt động, nhiệm vụ, nguồn lực; sản phẩm và kết quả của tập thể; minh chứng về đóng góp cá nhân.	Đánh giá hồ sơ; thuyết trình và trao đổi chuyên môn; xác minh kết quả khi cần.
3.2	Đóng góp trong bồi dưỡng, hỗ trợ đồng nghiệp; sự trưởng thành và khả năng đảm nhiệm độc lập nhiệm vụ của người được hỗ trợ. Đối với GS, làm rõ kết quả hình thành đội ngũ kế cận và tiếp tục phát triển hướng chuyên môn.	Hồ sơ về quá trình bồi dưỡng, hỗ trợ; nhiệm vụ, sản phẩm và kết quả của người được hỗ trợ; minh chứng về đóng góp của ứng viên.	Đánh giá hồ sơ; thuyết trình và trao đổi chuyên môn; xác minh hoặc lấy ý kiến người liên quan khi cần.
3.3	Chất lượng, vai trò cá nhân và hiệu quả của đóng góp chuyên môn cho cộng đồng học thuật, nghề nghiệp hoặc xã hội; khả năng duy trì hoặc mở rộng kết quả.	Sản phẩm, hoạt động chuyên môn; xác nhận tiếp nhận, sử dụng và minh chứng về tác động.	Đánh giá hồ sơ, sản phẩm; thuyết trình và trao đổi; xác minh hoặc lấy ý kiến bên tiếp nhận khi cần.

III. YÊU CẦU TỐI THIỂU VỀ THÀNH TÍCH GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU

Thành tích	Phó giáo sư	Giáo sư
1. Thời gian trực tiếp giảng dạy	03 năm mỗi năm 180 giờ, hoặc 06 năm mỗi năm 90 giờ giảng dạy từ trình độ đại học trở lên.	Khối lượng bằng ½ khối lượng của phó giáo sư và trong ít nhất 03 năm được tính, mỗi năm trực tiếp giảng một học phần sau đại học.
2. Hướng dẫn sau đại học	01 tiến sĩ hoặc 02 thạc sĩ đã được cấp bằng hoặc đủ điều kiện cấp bằng.	02 tiến sĩ đã được cấp bằng hoặc đủ điều kiện cấp bằng.
3. Phát triển chương trình và học liệu	Tham gia trong phát triển 01 chương trình đào tạo hoặc thiết kế 01 phòng thí nghiệm mới; hoặc tham gia xây dựng 01 học phần mới đã được sử dụng cho đào tạo trình độ đại học trở lên.	Chủ trì phát triển 01 chương trình đào tạo; hoặc thiết kế 01 phòng thí nghiệm mới; hoặc chủ trì xây dựng 01 học phần mới và chủ biên 01 sách giáo trình, sách chuyên khảo đã được sử dụng cho đào tạo từ trình độ đại học trở lên.
4. Công bố khoa học	12 công bố mà ứng viên là tác giả chính, trong đó:	20 công bố mà ứng viên là tác giả chính, trong đó:
Khối ngành I	03 công bố quốc tế uy tín Q2 trở lên.	05 công bố quốc tế uy tín Q2 trở lên.

Khối ngành II	03 công bố quốc tế uy tín, trong đó ít nhất 01 công bố Q2 trở lên.	05 công bố quốc tế uy tín, trong đó ít nhất 02 công bố Q2 trở lên.
Khối ngành III	06 công bố loại 1 trở lên, trong đó ít nhất 03 công bố quốc tế uy tín.	10 công bố loại 1 trở lên, trong đó ít nhất 05 công bố quốc tế uy tín.
Khối ngành IV	06 công bố loại 1 trở lên, trong đó ít nhất 03 công bố quốc tế uy tín.	08 công bố loại 1 trở lên, trong đó ít nhất 04 công bố quốc tế uy tín.
Khối ngành V	10 công bố loại 1 trở lên.	15 công bố loại 1 trở lên.

Thời gian tính thành tích

Thành tích được tính từ ngày cấp bằng tiến sĩ đối với phó giáo sư, từ ngày được bổ nhiệm phó giáo sư hoặc tương đương đối với giáo sư, đến ngày hết hạn nhận hồ sơ. Trường hợp người đã giữ chức danh giáo sư hoặc tương đương ở nước ngoài mà không qua chức danh phó giáo sư hoặc tương đương, mốc tính là ngày cấp bằng tiến sĩ.

Giờ trực tiếp giảng dạy

Chỉ tính số giờ ứng viên thực tế trực tiếp giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thí nghiệm, thực hành từ trình độ đại học trở lên, có phân công và xác nhận của cơ sở đào tạo; không áp dụng hệ số quy đổi. Không tính thời gian quản lý, theo dõi, kiểm tra thực tập và các nhiệm vụ khác được quy đổi thành giờ giảng; không tính thời gian hướng dẫn người học làm thực tập, đồ án, luận văn, luận án.

Buổi trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn thí nghiệm, thực hành tại doanh nghiệp hoặc cơ sở thực hành được tính khi thuộc chương trình đào tạo và có hồ sơ xác định nội dung, người học, lịch, thời lượng và phần ứng viên thực hiện. Với học phần có nhiều giảng viên, chỉ tính phần trực tiếp giảng dạy của từng người. Giảng dạy trực tuyến được tính khi đáp ứng các yêu cầu về phân công, nội dung, người học và thời lượng nêu trên.

Thời gian nghỉ chế độ hợp pháp theo quy định của pháp luật lao động được xem xét khi tính định mức thời gian giảng dạy nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng cho ứng viên nữ hoặc các trường hợp đặc biệt.

Kết quả hướng dẫn người học

Hướng dẫn chính tính hệ số 1, đồng hướng dẫn hoặc hướng dẫn phụ tính hệ số 0,5. Với nghiên cứu sinh, thời gian tham gia ít nhất 24 tháng, trừ thay thế vì lý do khách quan có hồ sơ và đóng góp đủ để đánh giá; với thạc sĩ, trực tiếp hướng dẫn giai đoạn thực hiện sản phẩm tốt nghiệp. Kết quả tính theo ngày cấp bằng; chấp nhận ngày cơ sở xác nhận đã bảo vệ thành công, hoàn thành mọi điều kiện và chỉnh sửa, chỉ còn thủ tục ban hành quyết định cấp bằng. Vai trò có tên gọi khác ở nước ngoài được xác định hệ số 1 hoặc 0,5 theo trách nhiệm thực tế, có căn cứ và xác nhận.

Đối với phó giáo sư thuộc khối ngành II, kết quả hướng dẫn chuyên khoa cấp II được tính như hướng dẫn thạc sĩ riêng cho yêu cầu này khi có phân công, sản phẩm tốt nghiệp, hồ sơ đánh giá và bằng đã cấp; không xác lập tương đương văn bằng nói chung.

Phát triển chương trình và học liệu

Kết quả phát triển chương trình đào tạo có thể là xây dựng mới hoặc cải tiến đáng kể một chương trình đào tạo. Kết quả thiết kế một phòng thí nghiệm mới có thể phục vụ một học phần, hoặc một số học phần trong chương trình đào tạo. Sách đã dùng thay công bố khoa học không dùng cho yêu cầu phát triển chương trình và học liệu.

Công bố khoa học và công trình thay thế

Công bố Q1, Q2 xác định theo JCR; nếu tạp chí không có phân hạng JCR thì dùng SJR. Dùng năm công bố hoặc năm gần nhất; chọn lĩnh vực phù hợp nhất với nội dung công bố. Báo cáo toàn văn hội nghị CORE A*/A được coi tương đương Q1/Q2. Số báo cáo hội nghị đăng toàn văn trong kỷ yếu không vượt quá 1/3 yêu cầu công bố quốc tế. Chỉ tính những công bố có địa chỉ là nơi tác giả có làm việc, có quan hệ công tác thực.

Đối với mỗi khối ngành có thể thay thế bằng các sản phẩm chuyên môn đặc thù được cơ quan có thẩm quyền công nhận, cụ thể như sau:

- Đối với khối ngành I: Tác giả văn bằng độc quyền sáng chế đã được cấp; quy trình công nghệ mới, giống cây trồng mới, giống vật nuôi mới, công thức bào chế thuốc mới đã chuyển giao và có địa chỉ ứng dụng được thay thế tối đa 01 công bố Q2.
- Đối với khối ngành II: Chủ trì xây dựng một phác đồ mới, hướng dẫn chẩn đoán điều trị mới đã được ứng viên và đồng nghiệp sử dụng thường xuyên được thay thế tối đa 01 công bố quốc tế uy tín; nếu được nhiều cơ sở khám chữa bệnh áp dụng thì có thể thay tối đa 01 công bố Q2.
- Đối với khối ngành III: Chủ biên 01 sách chuyên khảo được thay thế tối đa 02 công bố loại 1; đồng chủ biên được thay thế tối đa 01 công bố loại 1. Tác giả chính một báo cáo tư vấn chính sách được cấp bộ trở lên có thể thay tối đa 01 công bố loại 1.
- Đối với khối ngành IV: Tác phẩm, công trình nghệ thuật, chương trình biểu diễn đạt giải thưởng quốc gia có hội đồng chuyên môn độc lập, ứng viên là tác giả hoặc giữ vai trò sáng tạo chính, được thay tối đa 02 công bố loại 1; giải quốc tế có thể thay tối đa 02 công bố quốc tế uy tín.
- Đối với khối ngành V: 02 sản phẩm chuyên môn đặc thù được cấp bộ trở lên công nhận có thể thay thế tối đa 02 công bố loại 1.

IV. MINH CHỨNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ PHỤC VỤ CHUYÊN MÔN

(Thực hiện chi tiết khoản 4 Điều 9 Thông tư, ứng viên cung cấp 01 trong các minh chứng hợp lệ sau):

- Có công bố khoa học (bài báo, báo cáo kỷ yếu, sách chuyên khảo) bằng ngoại ngữ phù hợp với vai trò là Tác giả chính.
- Có xác nhận đã trực tiếp giảng dạy ít nhất 01 học phần/chuyên đề bằng ngoại ngữ trong chương trình đào tạo hợp pháp.
- Văn bằng đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ được học tập và cấp bằng toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngoại ngữ tương ứng.
- Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực đạt trình độ tối thiểu Bậc 4 (B2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP) hoặc tiêu chuẩn tương đương do Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.